ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRẦN PHÚ

DANH SÁCH CHI TRẢ TRỢ CẤP NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ THÂN NHÂN NGƯỜI CÓ CÔNG THÁNG 11 NĂM 2026

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
Tổng cộng						**2,258,252,000**		**2,258,252,000**	-	
TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%: 215						**549,900,000**	-	**549,900,000**	-	
1	Trần Đức Bảo	Xã Trần Phú	50213		31	2,770,000		2,770,000	-	
2	Nguyễn Xuân Chanh	Xã Trần Phú	52372		21	1,878,000		1,878,000	-	
3	Trần Thế Liên	Xã Trần Phú	35144		29	2,589,000		2,589,000	-	
4	Lê Khả Đến	Xã Trần Phú	17841		21	1,878,000		1,878,000	-	
5	Trần Văn Bình	Xã Trần Phú	18080		25	2,236,000		2,236,000	-	
6	Trần Văn Bịch	Xã Trần Phú	18437		23	2,053,000		2,053,000	-	
7	Nguyễn Huy Chè	Xã Trần Phú	18911		31	2,770,000		2,770,000	-	
8	Vũ Đình Ngà	Xã Trần Phú	50117		23	2,053,000		2,053,000	-	
9	Nguyễn Văn Dương	Xã Trần Phú	19643		25	2,236,000		2,236,000	-	
10	Nguyễn Đức Mai	Xã Trần Phú	22064		21	1,878,000		1,878,000	-	
11	Nguyễn Huy Linh	Xã Trần Phú	21704		27	2,411,000		2,411,000	-	
12	Bùi Văn Nguyên	Xã Trần Phú	22672		25	2,236,000		2,236,000	-	
13	Đỗ Văn Đãn	Xã Trần Phú	17398		21	1,878,000		1,878,000	-	
14	Nguyễn Văn Thuộc	Xã Trần Phú	35154		31	2,770,000		2,770,000	-	
15	Ngô Hoàng Cung	Xã Trần Phú	19290		24	2,144,000		2,144,000	-	
16	Nguyễn Đức Can	Xã Trần Phú	48898		21	1,878,000		1,878,000	-	
17	Bùi Đức Hào	Xã Trần Phú	52516		21	1,878,000		1,878,000	-	
18	Lương Quang Thể	Xã Trần Phú	35149		21	1,878,000		1,878,000	-	
19	Lê Công Táu	Xã Trần Phú	33648		31	2,770,000		2,770,000	-	
20	Vũ Đình Lân	Xã Trần Phú	21420		23	2,053,000		2,053,000	-	
21	Đoàn Văn Giai	Xã Trần Phú	19753		27	2,411,000		2,411,000	-	
22	Nguyễn Xuân Thắm	Xã Trần Phú	24736		21	1,878,000		1,878,000	-	
23	Dương Đình Tâm	Xã Trần Phú	24170		31	2,770,000		2,770,000	-	
24	Nguyễn Văn Hưng	Xã Trần Phú	20511		25	2,236,000		2,236,000	-	
25	Lê Quang Quân	Xã Trần Phú	23376		21	1,878,000		1,878,000	-	
26	Lương Quang Huy	Xã Trần Phú	20789		21	1,878,000		1,878,000	-	
27	Phạm Công Kiểm	Xã Trần Phú	21258		21	1,878,000		1,878,000	-	
28	Nguyễn Mạnh Phố	Xã Trần Phú	23174		24	2,144,000		2,144,000	-	
29	Phạm Hồng Thuấn	Xã Trần Phú	25433		21	1,878,000		1,878,000	-	
30	Hứa Duy Văn	Xã Trần Phú	49610		21	1,878,000		1,878,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
31	Trần Hồng Sử	Xã Trần Phú	23972		21	1,878,000		1,878,000	-	
32	Dương Đình Thống	Xã Trần Phú	24997		21	1,878,000		1,878,000	-	
33	Trần Minh Võ	Xã Trần Phú	26516		28	2,505,000		2,505,000	-	
34	Nguyễn Bá Xuân	Xã Trần Phú	26916		24	2,144,000		2,144,000	-	
35	Trần Thế Sự	Xã Trần Phú	52343		31	2,770,000		2,770,000	-	
36	Mạc Xuân Oát	Xã Trần Phú	50976		24	2,144,000		2,144,000	-	
37	Trương Đình Tín	Xã Trần Phú	49612		22	1,969,000		1,969,000	-	
38	Nguyễn Thế Điển	Xã Trần Phú	17653		26	2,323,000		2,323,000	-	
39	Mạc Văn Sơn	Xã Trần Phú	33642		21	1,878,000		1,878,000	-	
40	Vũ Minh Đức	Xã Trần Phú	17832		30	2,683,000		2,683,000	-	
41	Vũ Đình Chí	Xã Trần Phú	19205		25	2,236,000		2,236,000	-	
42	Nguyễn Văn Đông	Xã Trần Phú	17299		31	2,770,000		2,770,000	-	
43	Trần Văn Liên	Xã Trần Phú	21636		21	1,878,000		1,878,000	-	
44	Nguyễn Xuân Tám	Xã Trần Phú	51147		21	1,878,000		1,878,000	-	
45	Vũ Văn Thông	Xã Trần Phú	53484		21	1,878,000		1,878,000	-	
46	Lê Đình Mạnh	Xã Trần Phú	33054		21	1,878,000		1,878,000	-	
47	Lê Khả Đoàn	Xã Trần Phú	53021		21	1,878,000		1,878,000	-	
48	Phạm Công Thanh	Xã Trần Phú	35160		21	1,878,000		1,878,000	-	
49	Phạm Công Hà	Xã Trần Phú	19906		27	2,411,000		2,411,000	-	
50	Lê Văn Triệu	Xã Trần Phú	50969		24	2,144,000		2,144,000	-	
51	Nguyễn Trọng Toàn	Xã Trần Phú	51236		21	1,878,000		1,878,000	-	
52	Hoàng Văn Bách	Xã Trần Phú	49611		21	1,878,000		1,878,000	-	
53	Nguyễn Đức Viên	Xã Trần Phú	50115		25	2,236,000		2,236,000	-	
54	Phạm Hồng Thư	Xã Trần Phú	24467		21	1,878,000		1,878,000	-	
55	Mạc Văn Vinh	Xã Trần Phú	26626		21	1,878,000		1,878,000	-	
56	Vũ Trí Trọng	Xã Trần Phú	33018		21	1,878,000		1,878,000	-	
57	Nguyễn Văn Tín	Xã Trần Phú	33425		21	1,878,000		1,878,000	-	
58	Nguyễn Xuân Hạnh	Xã Trần Phú	20077		24	2,144,000		2,144,000	-	
59	Vũ Đình Kỷ	Xã Trần Phú	21339		21	1,878,000		1,878,000	-	
60	Nguyễn Bá Tứ	Xã Trần Phú	25735		29	2,589,000		2,589,000	-	
61	Phạm Công Luận	Xã Trần Phú	21924		21	1,878,000		1,878,000	-	
62	Trần Thế Vui	Xã Trần Phú	26809		21	1,878,000		1,878,000	-	
63	Dương Đình Hiệp	Xã Trần Phú	35167		21	1,878,000		1,878,000	-	
64	Nguyễn Quang Huy	Xã Trần Phú	20798		21	1,878,000		1,878,000	-	
65	Nguyễn Huy Thiện	Xã Trần Phú	25129		21	1,878,000		1,878,000	-	
66	Trần Cao Tường	Xã Trần Phú	24420		31	2,770,000		2,770,000	-	
67	Vũ Chí Đăng	Xã Trần Phú	48899		29	2,589,000		2,589,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
68	Lê Đình Đôi	Xã Trần Phú	17279		41	3,667,000		3,667,000	-	
69	Nguyễn Huy Lai	Xã Trần Phú	21511		45	4,024,000		4,024,000	-	
70	Nguyễn Xuân ích	Xã Trần Phú	26991		43	3,839,000		3,839,000	-	
71	Lê Đình Trọng	Xã Trần Phú	25951		41	3,667,000		3,667,000	-	
72	Trần Thế Thường	Xã Trần Phú	25022		41	3,667,000		3,667,000	-	
73	Trần Thế Chiến	Xã Trần Phú	19003		41	3,667,000		3,667,000	-	
74	Đỗ Quang	Xã Trần Phú	23418		41	3,667,000		3,667,000	-	
75	Nguyễn Văn Tòng	Xã Trần Phú	26135		41	3,667,000		3,667,000	-	
76	Mạc Tiến Dũng	Xã Trần Phú	19525		51	4,561,000		4,561,000	-	
77	Lê Công Tuân	Xã Trần Phú	26185		37	3,304,000		3,304,000	-	
78	Vũ Đình Bình	Xã Trần Phú	18085		45	4,024,000		4,024,000	-	
79	Bùi Xuân Tích	Xã Trần Phú	26385		41	3,667,000		3,667,000	-	
80	Nguyễn Bá Chinh	Xã Trần Phú	19096		41	3,667,000		3,667,000	-	
81	Phạm Văn Lợi	Xã Trần Phú	21668		41	3,667,000		3,667,000	-	
82	Nguyễn Văn Quanh	Xã Trần Phú	23460		41	3,667,000		3,667,000	-	
83	Lê Công Thơm	Xã Trần Phú	24614		41	3,667,000		3,667,000	-	
84	Trần Minh Vinh	Xã Trần Phú	26654		41	3,667,000		3,667,000	-	
85	Dương Đình Thành	Xã Trần Phú	35133		35	3,132,000		3,132,000	-	
86	Mạc Văn Tứ	Xã Trần Phú	25734		41	3,667,000		3,667,000	-	
87	Vũ Đình Phú	Xã Trần Phú	50985		34	3,040,000		3,040,000	-	
88	Lê Đình Vạn	Xã Trần Phú	50991		34	3,040,000		3,040,000	-	
89	Đoàn Văn Minh	Xã Trần Phú	22181		41	3,667,000		3,667,000	-	
90	Nguyễn Đình Thanh	Xã Trần Phú	24885		51	4,561,000		4,561,000	-	
91	Nguyễn Sỹ Loan	Xã Trần Phú	21788		41	3,667,000		3,667,000	-	
92	Trần Huy Kiểm	Xã Trần Phú	53291		41	3,667,000		3,667,000	-	
93	Cấn Đình Bâm	Xã Trần Phú	18093		41	3,667,000		3,667,000	-	
94	Nguyễn Văn Sứ	Xã Trần Phú	52902		43	3,839,000		3,839,000	-	
95	Nguyễn Văn Thuỷ	Xã Trần Phú	25496		41	3,667,000		3,667,000	-	
96	Nguyễn Văn Minh	Xã Trần Phú	22200		41	3,667,000		3,667,000	-	
97	Đặng Văn Cửu	Xã Trần Phú	19266		41	3,667,000		3,667,000	-	
98	Nguyễn Thọ Sơn	Xã Trần Phú	23783		41	3,667,000		3,667,000	-	
99	Linh Duy Quy	Xã Trần Phú	23522		41	3,667,000		3,667,000	-	
100	Nguyễn Đình Phoóc	Xã Trần Phú	52651		51	4,561,000		4,561,000	-	
101	Đặng Văn Căn	Xã Trần Phú	18481		51	4,561,000		4,561,000	-	
102	Nguyễn Đình Dũng	Xã Trần Phú	19528		41	3,667,000		3,667,000	-	
103	Đặng Duy Phê	Xã Trần Phú	23128		51	4,561,000		4,561,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
104	Nguyễn Chí Phức	Xã Trần Phú	23321		55	4,918,000		4,918,000	-	
105	Trần Văn Huấn	Xã Trần Phú	20746		33	2,950,000		2,950,000	-	
106	Nguyễn Văn Phượng	Xã Trần Phú	50973		22	1,969,000		1,969,000	-	
107	Vũ Lưu (văn) Luyến	Xã Trần Phú	44631		21	1,878,000		1,878,000	-	
108	Nguyễn Văn Triển	Xã Trần Phú	26041		25	2,236,000		2,236,000	-	
109	Trần Như Quỳnh	Xã Trần Phú	23585		21	1,878,000		1,878,000	-	
110	Nguyễn Mạnh Liệt	Xã Trần Phú	21722		21	1,878,000		1,878,000	-	
111	Đinh Xuân Hào	Xã Trần Phú	50978		25	2,236,000		2,236,000	-	
112	Trần Văn Minh	Xã Trần Phú	50116		21	1,878,000		1,878,000	-	
113	Trần Văn Tiến	Xã Trần Phú	49614		27	2,411,000		2,411,000	-	
114	Nguyễn Văn Cương	Xã Trần Phú	46166		21	1,878,000		1,878,000	-	
115	Nguyễn Minh Thân	Xã Trần Phú	43103		21	1,878,000		1,878,000	-	
116	Hồ Duy Lạp	Xã Trần Phú	45856		21	1,878,000		1,878,000	-	
117	Nguyễn Sỹ Hảo	Xã Trần Phú	35168		23	2,053,000		2,053,000	-	
118	Nguyễn Ngọc Sáng	Xã Trần Phú	35136		27	2,411,000		2,411,000	-	
119	Nguyễn Gia Thiều	Xã Trần Phú	25163		23	2,053,000		2,053,000	-	
120	Nguyễn Đình Minh	Xã Trần Phú	22192		21	1,878,000		1,878,000	-	
121	Phạm Đình Tuấn	Xã Trần Phú	26235		25	2,236,000		2,236,000	-	
122	Trần Xuân Tĩnh	Xã Trần Phú	26275		21	1,878,000		1,878,000	-	
123	Phạm Huy Thuấn	Xã Trần Phú	25434		23	2,053,000		2,053,000	-	
124	Trần Thuyết	Xã Trần Phú	25529		25	2,236,000		2,236,000	-	
125	Nguyễn Dương Lầm	Xã Trần Phú	52517		21	1,878,000		1,878,000	-	
126	Linh Duy Sâm	Xã Trần Phú	23729		31	2,770,000		2,770,000	-	
127	Phạm Văn Thành	Xã Trần Phú	24679		31	2,770,000		2,770,000	-	
128	Phạm Huy Thoại	Xã Trần Phú	25268		25	2,236,000		2,236,000	-	
129	Đặng Huy Nhân	Xã Trần Phú	22732		21	1,878,000		1,878,000	-	
130	Nguyễn Sỹ Khảm	Xã Trần Phú	20961		23	2,053,000		2,053,000	-	
131	Nguyễn Sỹ Kiềng	Xã Trần Phú	21281		22	1,969,000		1,969,000	-	
132	Lê Xuân Quý	Xã Trần Phú	23545		21	1,878,000		1,878,000	-	
133	Trần Văn Cứ	Xã Trần Phú	19262		21	1,878,000		1,878,000	-	
134	Nguyễn Xuân Hoan	Xã Trần Phú	20680		21	1,878,000		1,878,000	-	
135	Nguyễn Văn Thống	Xã Trần Phú	24998		21	1,878,000		1,878,000	-	
136	Nguyễn Văn Ca	Xã Trần Phú	18633		23	2,053,000		2,053,000	-	
137	Vũ Đình Cần	Xã Trần Phú	18700		25	2,236,000		2,236,000	-	
138	Đặng Văn Chanh	Xã Trần Phú	18862		31	2,770,000		2,770,000	-	
139	Nguyễn Văn Giáp	Xã Trần Phú	19729		21	1,878,000		1,878,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
140	Đặng Đức Hiếu	Xã Trần Phú	20452		22	1,969,000		1,969,000	-	
141	Vương Đình Phan	Xã Trần Phú	23150		21	1,878,000		1,878,000	-	
142	Nguyễn Hồng Quân	Xã Trần Phú	23381		23	2,053,000		2,053,000	-	
143	Nguyễn Sỹ Huệ	Xã Trần Phú	20755		21	1,878,000		1,878,000	-	
144	Nguyễn Quốc Đăng	Xã Trần Phú	17239		22	1,969,000		1,969,000	-	
145	Nguyễn Đình Phước	Xã Trần Phú	35142		21	1,878,000		1,878,000	-	
146	Đặng Văn Thiều	Xã Trần Phú	45969		26	2,323,000		2,323,000	-	
147	Trần Đình Côi	Xã Trần Phú	18529		31	2,770,000		2,770,000	-	
148	Vương Đình Kiên	Xã Trần Phú	51235		25	2,236,000		2,236,000	-	
149	Nguyễn Tiến Chuyển	Xã Trần Phú	19182		21	1,878,000		1,878,000	-	
150	Nguyễn Văn Thám	Xã Trần Phú	24525		29	2,589,000		2,589,000	-	
151	Nguyễn Văn Đầm	Xã Trần Phú	17553		29	2,589,000		2,589,000	-	
152	Trần Văn Liễu	Xã Trần Phú	21733		21	1,878,000		1,878,000	-	
153	Vũ Đình Tị	Xã Trần Phú	26144		25	2,236,000		2,236,000	-	
154	Vương Đình Thiệu	Xã Trần Phú	25177		21	1,878,000		1,878,000	-	
155	Nguyễn Văn Vở	Xã Trần Phú	26552		21	1,878,000		1,878,000	-	
156	Nguyễn Sĩ Minh	Xã Trần Phú	51442		27	2,411,000		2,411,000	-	
157	Nguyễn Quang Quyền	Xã Trần Phú	52167		21	1,878,000		1,878,000	-	
158	Trần Văn Thanh	Xã Trần Phú	35132		31	2,770,000		2,770,000	-	
159	Vũ Phúc Sáng	Xã Trần Phú	35150		31	2,770,000		2,770,000	-	
160	Nguyễn Phương Đông	Xã Trần Phú	17293		21	1,878,000		1,878,000	-	
161	Vũ Đình Thiệu	Xã Trần Phú	25178		31	2,770,000		2,770,000	-	
162	trần văn thuần	Xã Trần Phú	25414		26	2,323,000		2,323,000	-	
163	Lê Văn Đề	Xã Trần Phú	17721		28	2,505,000		2,505,000	-	
164	Đoàn Bá Bộ	Xã Trần Phú	18280		21	1,878,000		1,878,000	-	
165	Trần Đăng Dũng	Xã Trần Phú	36302		21	1,878,000		1,878,000	-	
166	Phạm Văn Vận	Xã Trần Phú	36301		31	2,770,000		2,770,000	-	
167	Nguyễn Bá Chăn	Xã Trần Phú	18797		25	2,236,000		2,236,000	-	
168	Nguyễn Đình Vũ	Xã Trần Phú	26736		27	2,411,000		2,411,000	-	
169	Phạm Văn Trung	Xã Trần Phú	26109		23	2,053,000		2,053,000	-	
170	Nguyễn Đình Luận	Xã Trần Phú	21919		27	2,411,000		2,411,000	-	
171	Phạm Minh Đức	Xã Trần Phú	17816		31	2,770,000		2,770,000	-	
172	Trịnh Xuân Thu	Xã Trần Phú	35155		21	1,878,000		1,878,000	-	
173	Phạm Xuân Hiến	Xã Trần Phú	35157		21	1,878,000		1,878,000	-	
174	Nguyễn Đình Nhâm	Xã Trần Phú	22729		28	2,505,000		2,505,000	-	
175	Phạm Huy Cừ	Xã Trần Phú	19256		21	1,878,000		1,878,000	-	
176	Trịnh Xuân Đính	Xã Trần Phú	33636		31	2,770,000		2,770,000	-	
177	Nguyễn Đức Thiệu	Xã Trần Phú	33638		21	1,878,000		1,878,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
178	Đinh Công Đối	Xã Trần Phú	34545		24	2,144,000		2,144,000	-	
179	Hà Văn Tháp	Xã Trần Phú	24534		25	2,236,000		2,236,000	-	
180	Nguyễn Văn Khánh	Xã Trần Phú	20889		21	1,878,000		1,878,000	-	
181	Phạm Văn Doãn	Xã Trần Phú	35137		29	2,589,000		2,589,000	-	
182	Phạm Văn Bùi	Xã Trần Phú	35165		31	2,770,000		2,770,000	-	
183	Phạm Văn Lưu	Xã Trần Phú	21883		25	2,236,000		2,236,000	-	
184	Nguyễn Đình Nghinh	Xã Trần Phú	22561		28	2,505,000		2,505,000	-	
185	Lê Xuân Ngãi	Xã Trần Phú	22455		21	1,878,000		1,878,000	-	
186	Nguyễn Đình Viên	Xã Trần Phú	26582		23	2,053,000		2,053,000	-	
187	Nguyễn Đình Bí	Xã Trần Phú	18440		21	1,878,000		1,878,000	-	
188	Phan Văn Độ	Xã Trần Phú	17568		21	1,878,000		1,878,000	-	
189	Lê Xuân Hài	Xã Trần Phú	17176		21	1,878,000		1,878,000	-	
190	Trịnh Hoài San	Xã Trần Phú	23871		22	1,969,000		1,969,000	-	
191	Trịnh Tiến Tùng	Xã Trần Phú	25589		31	2,770,000		2,770,000	-	
192	Nguyễn Đình Bàng	Xã Trần Phú	33631		21	1,878,000		1,878,000	-	
193	Đoàn Thị Chiễn	Xã Trần Phú	53791			1,878,000		1,878,000	-	
194	Phạm Văn Sắp	Xã Trần Phú	51148		23	2,053,000		2,053,000	-	
195	Trịnh Bá Măng	Xã Trần Phú	21996		27	2,411,000		2,411,000	-	
196	Phan Văn Trịnh	Xã Trần Phú	26078		25	2,236,000		2,236,000	-	
197	Phạm Duy Phái	Xã Trần Phú	23045		23	2,053,000		2,053,000	-	
198	Đinh Văn Nhanh	Xã Trần Phú	22805		31	2,770,000		2,770,000	-	
199	Nguyễn Văn Thán	Xã Trần Phú	24527		21	1,878,000		1,878,000	-	
200	Phan Văn Ngư	Xã Trần Phú	22416		41	3,667,000		3,667,000	-	
201	Hà Văn Sô	Xã Trần Phú	23715		41	3,667,000		3,667,000	-	
202	Nguyễn Xuân Đạo	Xã Trần Phú	17458		41	3,667,000		3,667,000	-	
203	Nguyễn Viết Điều	Xã Trần Phú	52070		35	3,132,000		3,132,000	-	
204	Phạm Văn Phú	Xã Trần Phú	23278		45	4,024,000		4,024,000	-	
205	Đinh Khắc Hải	Xã Trần Phú	19971		45	4,024,000		4,024,000	-	
206	Trịnh Giang Nam	Xã Trần Phú	22391		43	3,839,000		3,839,000	-	
207	Nguyễn Văn Chư	Xã Trần Phú	18792		55	4,918,000		4,918,000	-	
208	Lê Xuân Lại	Xã Trần Phú	21484		41	3,667,000		3,667,000	-	
209	Nguyễn Công Tiến	Xã Trần Phú	35397		32	2,862,000		2,862,000	-	
210	Hoàng Quang Tiệm	Xã Trần Phú	41330		42	3,753,000		3,753,000	-	
211	Phan Văn Thìn	Xã Trần Phú	24581		41	3,667,000		3,667,000	-	
212	Nguyễn Mạnh Nhật	Xã Trần Phú	33428		41	3,667,000		3,667,000	-	
213	Hoàng Quang Mải	Xã Trần Phú	22028		49	4,382,000		4,382,000	-	
214	Trịnh Xuân Thiển	Xã Trần Phú	25123		41	3,667,000		3,667,000	-	
215	Nguyễn Xuân Đang	Xã Trần Phú	47121		46	4,113,000		4,113,000	-	
TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%: 22						**125,460,000**	**-**	**125,460,000**	**-**	
1	Nguyễn Văn Bân	Xã Trần Phú	18095		61	5,450,000		5,450,000	-	
2	Bùi Đức Hội	Xã Trần Phú	20204		61	5,450,000		5,450,000	-	
3	Dương Đình Lung	Xã Trần Phú	21940		61	5,450,000		5,450,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
4	Nguyễn Bá Tân	Xã Trần Phú	24199		65	5,809,000		5,809,000	-	
5	Nguyễn Xuân Huyên	Xã Trần Phú	20820		61	5,450,000		5,450,000	-	
6	Trần Đình Hồng	Xã Trần Phú	20174		61	5,450,000		5,450,000	-	
7	Nguyễn Văn Đức	Xã Trần Phú	17807		71	6,343,000		6,343,000	-	
8	Nguyễn Đức Khang	Xã Trần Phú	21001		73	6,530,000		6,530,000	-	
9	Vũ Đình Huấn	Xã Trần Phú	20747		61	5,450,000		5,450,000	-	
10	Trịnh Huy Phước	Xã Trần Phú	23222		61	5,450,000		5,450,000	-	
11	Nguyễn Văn Dùng	Xã Trần Phú	19416		61	5,450,000		5,450,000	-	
12	Trịnh Văn Thuấn	Xã Trần Phú	25435		65	5,809,000		5,809,000	-	
13	Nguyễn Văn Ngạp	Xã Trần Phú	22470		61	5,450,000		5,450,000	-	
14	Nguyễn Công Vang	Xã Trần Phú	26527		61	5,450,000		5,450,000	-	
15	Phạm Văn Ngoãn	Xã Trần Phú	22637		75	6,708,000		6,708,000	-	
16	Lê Xuân Thắng	Xã Trần Phú	24750		65	5,809,000		5,809,000	-	
17	Nguyễn Văn Mây	Xã Trần Phú	22016		61	5,450,000		5,450,000	-	
18	Trịnh Tiến Văn	Xã Trần Phú	26452		65	5,809,000		5,809,000	-	
19	Trần Tiến Duyệt	Xã Trần Phú	19666		61	5,450,000		5,450,000	-	
20	Phạm Thanh Hoá	Xã Trần Phú	20532		71	6,343,000		6,343,000	-	
21	Nguyễn Đình Chấn	Xã Trần Phú	18883		61	5,450,000		5,450,000	-	
22	Cao Văn Thế	Xã Trần Phú	25232		61	5,450,000		5,450,000	-	
TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên:5						**43,195,000**	**#REF!**	**43,195,000**	**#REF!**	
1	Đỗ Văn Bình	Xã Trần Phú	16804		81	8,639,000		8,639,000	-	
2	Nguyễn Văn Kiểm	Xã Trần Phú	16900		81	8,639,000		8,639,000	-	
3	Vương Đình Cán	Xã Trần Phú	16820		81	8,639,000		8,639,000	-	
4	Nguyễn Thanh Sắc	Xã Trần Phú	17003		81	8,639,000		8,639,000	-	
5	Nguyễn Khắc Khiếu	Xã Trần Phú	16893		81	8,639,000		8,639,000	-	
TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên có VT ĐB nặng: 4						**41,414,000**	**-**	**41,414,000**	**-**	
1	Đỗ Trung Thành	Xã Trần Phú	16745		81	10,107,000		10,107,000	-	
2	Mạc Văn Tấn	Xã Trần Phú	16743		84	10,374,000		10,374,000	-	
3	Nguyễn Văn Tiến	Xã Trần Phú	16757		89	10,826,000		10,826,000	-	
4	Phạm Văn Thắng	Xã Trần Phú	16748		81	10,107,000		10,107,000	-	
BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%:25						**72,775,000**	**-**	**72,775,000**	**-**	
1	Nguyễn Xuân Tranh (chanh)	Xã Trần Phú	383		41	2,911,000		2,911,000	-	
2	Trần Thế Ngọc	Xã Trần Phú	381		41	2,911,000		2,911,000	-	
3	Lê Hồng Quảng	Xã Trần Phú	380		41	2,911,000		2,911,000	-	
4	Nguyễn Xuân Đạo	Xã Trần Phú	377		41	2,911,000		2,911,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
5	Lương Quang Huấn	Xã Trần Phú	391		41	2,911,000		2,911,000	-	
6	Nguyễn Văn Nhiên	Xã Trần Phú	390		41	2,911,000		2,911,000	-	
7	Nguyễn Văn Cầm	Xã Trần Phú	389		41	2,911,000		2,911,000	-	
8	Lương Quang Động	Xã Trần Phú	388		41	2,911,000		2,911,000	-	
9	Nguyễn Văn Phụng	Xã Trần Phú	387		41	2,911,000		2,911,000	-	
10	Nguyễn Văn Đa	Xã Trần Phú	386		41	2,911,000		2,911,000	-	
11	Hứa Duy Đệ	Xã Trần Phú	385		41	2,911,000		2,911,000	-	
12	Lê Đình Tuân	Xã Trần Phú	376		41	2,911,000		2,911,000	-	
13	Vương Đình Hạt	Xã Trần Phú	344		41	2,911,000		2,911,000	-	
14	Vương Đình Hùng	Xã Trần Phú	342		41	2,911,000		2,911,000	-	
15	Nguyễn Chí Chức	Xã Trần Phú	339		41	2,911,000		2,911,000	-	
16	Nguyễn Đức Đăng	Xã Trần Phú	46433		41	2,911,000		2,911,000	-	
17	Phạm Huy Cầu	Xã Trần Phú	335		41	2,911,000		2,911,000	-	
18	Phạm Huy Tinh	Xã Trần Phú	332		41	2,911,000		2,911,000	-	
19	Nguyễn Văn Huyền	Xã Trần Phú	330		41	2,911,000		2,911,000	-	
20	Nguyễn Trường Tu	Xã Trần Phú	327		41	2,911,000		2,911,000	-	
21	Phạm Huy Được	Xã Trần Phú	336		41	2,911,000		2,911,000	-	
22	Nguyễn Văn Vu	Xã Trần Phú	318		41	2,911,000		2,911,000	-	
23	Nguyễn Như Đạo	Xã Trần Phú	317		41	2,911,000		2,911,000	-	
24	Phạm Văn Hài	Xã Trần Phú	312		41	2,911,000		2,911,000	-	
25	Nguyễn Đình Xế	Xã Trần Phú	311		41	2,911,000		2,911,000	-	
BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%						7,254,000		**7,254,000**		
1	Nguyễn Viết Hồi	Xã Trần Phú	341		51	3,627,000		3,627,000	-	
2	Đinh Văn Phú	Xã Trần Phú	343		51	3,627,000		3,627,000	-	
BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%: 63						**291,186,000**	**-**	**291,186,000**	**-**	
1	Nguyễn Thị Hà	Xã Trần Phú	32117		61	4,622,000		4,622,000	-	
2	Lê Công Tuyên	Xã Trần Phú	32033		61	4,622,000		4,622,000	-	
3	Lê Khả Đoàn	Xã Trần Phú	31612		61	4,622,000		4,622,000	-	
4	Trần Quang Minh	Xã Trần Phú	31229		61	4,622,000		4,622,000	-	
5	Vũ Xuân Lập	Xã Trần Phú	30836		61	4,622,000		4,622,000	-	
6	Nguyễn Đức Thảo	Xã Trần Phú	30775		61	4,622,000		4,622,000	-	
7	Phạm Công Hà	Xã Trần Phú	30734		61	4,622,000		4,622,000	-	
8	Nguyễn Hoài Trung	Xã Trần Phú	30407		61	4,622,000		4,622,000	-	
9	Nguyễn Xuân Khuê	Xã Trần Phú	29854		61	4,622,000		4,622,000	-	
10	Trần Thế Sự	Xã Trần Phú	29726		61	4,622,000		4,622,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
11	Vũ Đình Đoàn	Xã Trần Phú	29027		63	4,622,000		4,622,000	-	
12	Phạm Công Hồng	Xã Trần Phú	28833		65	4,622,000		4,622,000	-	
13	Dương Đình Lung	Xã Trần Phú	32287		61	4,622,000		4,622,000	-	
14	Nguyễn Trọng Toàn	Xã Trần Phú	32114		61	4,622,000		4,622,000	-	
15	Nguyễn Viết Khơi	Xã Trần Phú	31469		61	4,622,000		4,622,000	-	
16	Đặng Sỹ Tường	Xã Trần Phú	31187		61	4,622,000		4,622,000	-	
17	Nguyễn Đức Khen	Xã Trần Phú	31015		61	4,622,000		4,622,000	-	
18	Dương Đình Thành	Xã Trần Phú	31000		61	4,622,000		4,622,000	-	
19	Tạ Văn Hoán	Xã Trần Phú	30673		61	4,622,000		4,622,000	-	
20	Lương Quang Tâm	Xã Trần Phú	30590		61	4,622,000		4,622,000	-	
21	Trần Duy Hưng	Xã Trần Phú	30199		61	4,622,000		4,622,000	-	
22	Vũ Chí Đăng	Xã Trần Phú	29007		63	4,622,000		4,622,000	-	
23	Ngô Quang Mạc	Xã Trần Phú	28918		64	4,622,000		4,622,000	-	
24	Nguyễn Văn Khiêm	Xã Trần Phú	28636		65	4,622,000		4,622,000	-	
25	Doãn Thế Hán	Xã Trần Phú	378		61	4,622,000		4,622,000	-	
26	Cấn Thi Dục	Xã Trần Phú	32092		61	4,622,000		4,622,000	-	
27	Nguyễn Xuân Chiến	Xã Trần Phú	340		61	4,622,000		4,622,000	-	
28	Đồng Văn In	Xã Trần Phú	31585		61	4,622,000		4,622,000	-	
29	Phạm Thanh Bình	Xã Trần Phú	31495		61	4,622,000		4,622,000	-	
30	Nguyễn Đức Ngừng	Xã Trần Phú	30821		61	4,622,000		4,622,000	-	
31	Vương Đình Thê	Xã Trần Phú	30445		61	4,622,000		4,622,000	-	
32	Trần Ngọc Minh	Xã Trần Phú	29966		61	4,622,000		4,622,000	-	
33	Vương Đình Kiên	Xã Trần Phú	29824		61	4,622,000		4,622,000	-	
34	Vũ Đình Luyến	Xã Trần Phú	29715		61	4,622,000		4,622,000	-	
35	Triệu Bá Thiểm	Xã Trần Phú	29697		61	4,622,000		4,622,000	-	
36	Cấn Đình Tình	Xã Trần Phú	29696		61	4,622,000		4,622,000	-	
37	Nguyễn Văn Sứ	Xã Trần Phú	32516		61	4,622,000		4,622,000	-	
38	Nguyễn Đình Phoóc	Xã Trần Phú	31979		61	4,622,000		4,622,000	-	
39	Nguyễn Hồng Cuông	Xã Trần Phú	31652		61	4,622,000		4,622,000	-	
40	Nguyễn Sỹ Minh	Xã Trần Phú	31462		61	4,622,000		4,622,000	-	
41	Phạm Công Thuận	Xã Trần Phú	31107		61	4,622,000		4,622,000	-	
42	Nguyễn sỹ Tĩnh	Xã Trần Phú	30504		61	4,622,000		4,622,000	-	
43	Nguyễn Quang Bân	Xã Trần Phú	29638		61	4,622,000		4,622,000	-	
44	Nguyễn Xuân Trường	Xã Trần Phú	29052		62	4,622,000		4,622,000	-	
45	Đặng Đức Nhẫm	Xã Trần Phú	326		61	4,622,000		4,622,000	-	
46	Vũ Đình Luyện	Xã Trần Phú	28639		65	4,622,000		4,622,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
47	Nguyễn Đình Đoàn	Xã Trần Phú	32430		61	4,622,000		4,622,000	-	
48	Trần Mạnh Sơn	Xã Trần Phú	32418		61	4,622,000		4,622,000	-	
49	Trịnh Xuân Mỹ	Xã Trần Phú	32265		61	4,622,000		4,622,000	-	
50	Trần Đăng Lâm	Xã Trần Phú	31720		61	4,622,000		4,622,000	-	
51	Nguyễn Công Nam	Xã Trần Phú	31127		61	4,622,000		4,622,000	-	
52	Nguyễn Văn Hán	Xã Trần Phú	31071		61	4,622,000		4,622,000	-	
53	Nguyễn Quốc Diệt	Xã Trần Phú	30817		61	4,622,000		4,622,000	-	
54	Phạm Hồng Thái	Xã Trần Phú	30611		61	4,622,000		4,622,000	-	
55	Trần Tiến Tăng	Xã Trần Phú	30435		61	4,622,000		4,622,000	-	
56	Nguyễn Viết Điều	Xã Trần Phú	30297		61	4,622,000		4,622,000	-	
57	Lê Xuân Hài	Xã Trần Phú	30295		61	4,622,000		4,622,000	-	
58	Hà Tiến Thanh	Xã Trần Phú	30270		61	4,622,000		4,622,000	-	
59	Đoàn Bá Nhật	Xã Trần Phú	30140		61	4,622,000		4,622,000	-	
60	Nguyễn Văn Khẩu	Xã Trần Phú	29584		61	4,622,000		4,622,000	-	
61	Lê Xuân Nhiên	Xã Trần Phú	29549		61	4,622,000		4,622,000	-	
62	Nguyễn Văn Say	Xã Trần Phú	28754		65	4,622,000		4,622,000	-	
63	Trịnh Xuân Xếp	Xã Trần Phú	28554		68	4,622,000		4,622,000	-	
BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%: 14						**74,606,000**	**-**	**74,606,000**	**-**	
1	Vũ Đình Phú	Xã Trần Phú	32480		75	5,329,000		5,329,000	-	
2	Vũ Đình Sáu	Xã Trần Phú	29024		75	5,329,000		5,329,000	-	
3	Bùi Minh Thường	Xã Trần Phú	28999		76	5,329,000		5,329,000	-	
4	Phạm Hồng Sơn	Xã Trần Phú	28550		79	5,329,000		5,329,000	-	
5	Vũ Đình Thuỳ	Xã Trần Phú	27666		71	5,329,000		5,329,000	-	
6	Trần Thế Nhất	Xã Trần Phú	27599		71	5,329,000		5,329,000	-	
7	Nguyễn Xuân Tín	Xã Trần Phú	27676		71	5,329,000		5,329,000	-	
8	Nguyễn Huy Dũng	Xã Trần Phú	27415		71	5,329,000		5,329,000	-	
9	Nguyễn Đức Phái	Xã Trần Phú	35727		71	5,329,000		5,329,000	-	
10	Trần Duy Thinh	Xã Trần Phú	30550		75	5,329,000		5,329,000	-	
11	Nguyễn Quang Quyền	Xã Trần Phú	27425		71	5,329,000		5,329,000	-	
12	Nguyễn Bá Đan	Xã Trần Phú	29101		77	5,329,000		5,329,000	-	
13	Trần Văn Đức	Xã Trần Phú	27341		72	5,329,000		5,329,000	-	
14	Lê Văn Son	Xã Trần Phú	27542		71	5,329,000		5,329,000	-	
BB suy giảm KNLĐ từ 81-90%: 1						**7,777,000**	**-**	**7,777,000**	**-**	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
1	Vũ Đình Liên	Xã Trần Phú	27159		81	7,777,000		7,777,000	-	
TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%: 7						**14,153,000**	**#REF!**	**14,153,000**	**-**	
1	Vũ Đình Thuỳ	Xã Trần Phú	14466		21	1,552,000		1,552,000	-	
2	Triệu Bá Thiểm	Xã Trần Phú	14461		25	1,848,000		1,848,000	-	
3	Đỗ Đình Tuệ	Xã Trần Phú	14460		41	3,015,000		3,015,000	-	
4	Nguyễn Văn Học	Xã Trần Phú	14459		31	2,280,000		2,280,000	-	
5	Phan Hữu Tầm	Xã Trần Phú	14458		21	1,552,000		1,552,000	-	
6	Nguyễn Văn Thêm	Xã Trần Phú	14457		31	2,280,000		2,280,000	-	
7	Lê Duy Quanh	Xã Trần Phú	14455		22	1,626,000		1,626,000	-	
Người phục vụ TB.BB từ 81% trở lên ở gia đình: 5						**13,945,000**	**-**	**13,945,000**		
1	Đỗ Văn Bình	Xã Trần Phú	binh			2,789,000		2,789,000	-	
2	Hoàng Thị Thưa	Xã Trần Phú	thua			2,789,000		2,789,000	-	
3	Vương Thị Huê	Xã Trần Phú	Hue			2,789,000		2,789,000	-	
4	Vương Đình Cán	Xã Trần Phú	Can			2,789,000		2,789,000	-	
5	Hoàng Thị Hoan	Xã Trần Phú	hoan			2,789,000		2,789,000	-	
Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ĐBN ở gia đình: 4						**14,328,000**	**-**	**14,328,000**	**-**	
1	Mạc Trung Dũng	Xã Trần Phú	dung			3,582,000		3,582,000	-	
2	Đặng Thị Thiện	Xã Trần Phú	thien			3,582,000		3,582,000	-	
3	Trần Thị Dương	Xã Trần Phú	duong			3,582,000		3,582,000	-	
4	Lê Thị Nga	Xã Trần Phú	nga			3,582,000		3,582,000	-	
Người phục vụ BB từ 81% trở lên ở gia đình						**2,789,000**	**-**	**2,789,000**	**-**	
1	Lương Thị Hương	Xã Trần Phú	huong			2,789,000		2,789,000	-	
Tuất 1 liệt sỹ:81						**225,909,000**	**-**	**225,909,000**	**-**	
1	Nguyễn Xuân Kiến	Xã Trần Phú	5799			2,789,000		2,789,000	-	
2	Nguyễn Thị Khe	Xã Trần Phú	5797			2,789,000		2,789,000	-	
3	Trần Thị Bẩy	Xã Trần Phú	5796			2,789,000		2,789,000	-	
4	Trần Thị Sắc	Xã Trần Phú	5795			2,789,000		2,789,000	-	
5	Lê Thị Chén	Xã Trần Phú	5793			2,789,000		2,789,000	-	
6	Vũ Thị Vân	Xã Trần Phú	5791			2,789,000		2,789,000	-	
7	Vũ Thị Kết	Xã Trần Phú	5790			2,789,000		2,789,000	-	
8	Lê Thị Liên	Xã Trần Phú	5788			2,789,000		2,789,000	-	
9	Lê Thị Múi	Xã Trần Phú	5787			2,789,000		2,789,000	-	
10	Lê Thị Nga	Xã Trần Phú	5786			2,789,000		2,789,000	-	
11	Vũ Thị Tư	Xã Trần Phú	5785			2,789,000		2,789,000	-	
12	Doãn Thị Hoà	Xã Trần Phú	5781			2,789,000		2,789,000	-	
13	Vũ Thị Sói	Xã Trần Phú	5780			2,789,000		2,789,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
14	Nguyễn Thị Gái	Xã Trần Phú	5778			2,789,000		2,789,000	-	
15	Nguyễn Thị Chư	Xã Trần Phú	5777			2,789,000		2,789,000	-	
16	Trần Thị Lan	Xã Trần Phú	5774			2,789,000		2,789,000	-	
17	Trần Thị Quý	Xã Trần Phú	5770			2,789,000		2,789,000	-	
18	Trần Thị Lập	Xã Trần Phú	44681			2,789,000		2,789,000	-	
19	Trần Thị Dung	Xã Trần Phú	5850			2,789,000		2,789,000	-	
20	Lưu Thị Xoan	Xã Trần Phú	5846			2,789,000		2,789,000	-	
21	Nguyễn Thị Tèo	Xã Trần Phú	5845			2,789,000		2,789,000	-	
22	Lương Thị Phận	Xã Trần Phú	5844			2,789,000		2,789,000	-	
23	Trần Thị Cờ	Xã Trần Phú	5843			2,789,000		2,789,000	-	
24	Nguyễn Thị Sáu	Xã Trần Phú	5841			2,789,000		2,789,000	-	
25	Lương Thị Lê	Xã Trần Phú	5837			2,789,000		2,789,000	-	
26	Vũ Thị Tuyết	Xã Trần Phú	5835			2,789,000		2,789,000	-	
27	Nguyễn Thị Tình	Xã Trần Phú	5833			2,789,000		2,789,000	-	
28	Trần Thị Quế	Xã Trần Phú	5822			2,789,000		2,789,000	-	
29	Vũ Văn Độc	Xã Trần Phú	5821			2,789,000		2,789,000	-	
30	Lê Thị Tẽo	Xã Trần Phú	5818			2,789,000		2,789,000	-	
31	Phạm Thị Cận	Xã Trần Phú	5816			2,789,000		2,789,000	-	
32	Nguyễn Thị Chum	Xã Trần Phú	5815			2,789,000		2,789,000	-	
33	Hứa Thị Xuyến	Xã Trần Phú	5814			2,789,000		2,789,000	-	
34	Nguyễn Thị Vượng	Xã Trần Phú	5813			2,789,000		2,789,000	-	
35	Nguyễn Thị Nhớn	Xã Trần Phú	5765			2,789,000		2,789,000	-	
36	Nguyễn Thị Hường	Xã Trần Phú	52373			2,789,000		2,789,000	-	
37	Trần Thị Sen	Xã Trần Phú	50600			2,789,000		2,789,000	-	
38	Phạm Thị Ngắm	Xã Trần Phú	45596			2,789,000		2,789,000	-	
39	Nguyễn Thị Thoa	Xã Trần Phú	5617			2,789,000		2,789,000	-	
40	Vương Thị Linh	Xã Trần Phú	5616			2,789,000		2,789,000	-	
41	Trần Thị Dậu	Xã Trần Phú	5612			2,789,000		2,789,000	-	
42	Nguyễn Thị Lại	Xã Trần Phú	5610			2,789,000		2,789,000	-	
43	Vương Thị Trịnh	Xã Trần Phú	5609			2,789,000		2,789,000	-	
44	Nguyễn Thị Tham	Xã Trần Phú	5608			2,789,000		2,789,000	-	
45	Trần Thị Đường	Xã Trần Phú	5604			2,789,000		2,789,000	-	
46	Nguyễn Thị Na	Xã Trần Phú	5599			2,789,000		2,789,000	-	
47	Vương Thị Nhỡ	Xã Trần Phú	5595			2,789,000		2,789,000	-	
48	Đinh Thị Quýnh	Xã Trần Phú	5594			2,789,000		2,789,000	-	
49	Nguyễn Sỹ Giản	Xã Trần Phú	42322			2,789,000		2,789,000	-	
50	Nguyễn Thị Dân	Xã Trần Phú	34030			2,789,000		2,789,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
51	Trần Thị Vẻ	Xã Trần Phú	5585			2,789,000		2,789,000	-	
52	Vũ Thị Đương	Xã Trần Phú	5584			2,789,000		2,789,000	-	
53	Đinh Thị Keo	Xã Trần Phú	5582			2,789,000		2,789,000	-	
54	Bùi Thị Im	Xã Trần Phú	5581			2,789,000		2,789,000	-	
55	Nguyễn Thị Thú	Xã Trần Phú	5578			2,789,000		2,789,000	-	
56	Phạm Thị Mỵ	Xã Trần Phú	5575			2,789,000		2,789,000	-	
57	Vũ Thị Nụ	Xã Trần Phú	5572			2,789,000		2,789,000	-	
58	Phạm Thị Bản	Xã Trần Phú	5569			2,789,000		2,789,000	-	
59	Nguyễn Thị Dát	Xã Trần Phú	5566			2,789,000		2,789,000	-	
60	Nguyễn Thị Khê	Xã Trần Phú	5563			2,789,000		2,789,000	-	
61	Nguyễn Thị Liên	Xã Trần Phú	5561			2,789,000		2,789,000	-	
62	Đặng Thị Thuần	Xã Trần Phú	5557			2,789,000		2,789,000	-	
63	Phạm Thị Nhu	Xã Trần Phú	5554			2,789,000		2,789,000	-	
64	Vũ Thị Mười	Xã Trần Phú	5590			2,789,000		2,789,000	-	
65	Nguyễn Đình Công Thành	Xã Trần Phú	44172			2,789,000		2,789,000	-	
66	Đinh Thị Nguyên	Xã Trần Phú	44170			2,789,000		2,789,000	-	
67	Nguyễn Thị Tỳ	Xã Trần Phú	33663			2,789,000		2,789,000	-	
68	Nguyễn Thị Loan	Xã Trần Phú	5514			2,789,000		2,789,000	-	
69	Nguyễn Bá Nhự	Xã Trần Phú	5511			2,789,000		2,789,000	-	
70	Trịnh Thị Hy	Xã Trần Phú	5509			2,789,000		2,789,000	-	
71	Nguyễn Thị Thích	Xã Trần Phú	5505			2,789,000		2,789,000	-	
72	Phạm Thị Thuận	Xã Trần Phú	5503			2,789,000		2,789,000	-	
73	Hoàng Thị Tý	Xã Trần Phú	5496			2,789,000		2,789,000	-	
74	Lê Thị Quỳ	Xã Trần Phú	5493			2,789,000		2,789,000	-	
75	Nguyễn Thị Nhi	Xã Trần Phú	5492			2,789,000		2,789,000	-	
76	Trịnh Thị Duyên	Xã Trần Phú	5488			2,789,000		2,789,000	-	
77	Đào Thị Sơ	Xã Trần Phú	5485			2,789,000		2,789,000	-	
78	Nguyễn Thị Nguyệt	Xã Trần Phú	5472			2,789,000		2,789,000	-	
79	Hà Thị Lầm	Xã Trần Phú	5468			2,789,000		2,789,000	-	
80	Hoang Thị Đắp	Xã Trần Phú	5466			2,789,000		2,789,000	-	
81	Nguyễn Thị Mật	Xã Trần Phú	5463			2,789,000		2,789,000	-	
Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND: 5						**25,100,000**	**-**	**25,100,000**	**-**	
1	Nguyễn Thị Thiệu	Xã Trần Phú	5848			5,020,000		5,020,000	-	
2	Trần Thị Ký	Xã Trần Phú	5827			5,020,000		5,020,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
3	Phan Thị Luỹ	Xã Trần Phú	5500			5,020,000		5,020,000	-	
4	Nguyễn Thị Thau	Xã Trần Phú	5489			5,020,000		5,020,000	-	
5	Trịnh Thị Thuận	Xã Trần Phú	5486			5,020,000		5,020,000	-	
Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác:19						**52,991,000**	**-**	**52,991,000**	**-**	
1	Trần Thị Chóe	Xã Trần Phú	40487			2,789,000		2,789,000	-	
2	Đồng Thị Hồng	Xã Trần Phú	39806			2,789,000		2,789,000	-	
3	Lê Thị Vượng	Xã Trần Phú	38900			2,789,000		2,789,000	-	
4	Nguyễn Thị Tính	Xã Trần Phú	38899			2,789,000		2,789,000	-	
5	Nguyễn Thị Nhỡ	Xã Trần Phú	5804			2,789,000		2,789,000	-	
6	Trương Thị Nhiễu	Xã Trần Phú	40338			2,789,000		2,789,000	-	
7	Lương Thị Minh	Xã Trần Phú	34487			2,789,000		2,789,000	-	
8	Lê Thị Sen	Xã Trần Phú	33662			2,789,000		2,789,000	-	
9	Hoàng Thị Hạ	Xã Trần Phú	5832			2,789,000		2,789,000	-	
10	Lương Thị Tỵ	Xã Trần Phú	5829			2,789,000		2,789,000	-	
11	Đàm Thị Cải	Xã Trần Phú	5767			2,789,000		2,789,000	-	
12	Hoàng Thị An	Xã Trần Phú	5611			2,789,000		2,789,000	-	
13	Nguyễn Thị Ngát	Xã Trần Phú	40488			2,789,000		2,789,000	-	
14	Vũ Thị Duyên	Xã Trần Phú	53417			2,789,000		2,789,000	-	
15	Nguyễn Thị Quất	Xã Trần Phú	5576			2,789,000		2,789,000	-	
16	Lê Thị Siêu	Xã Trần Phú	44325			2,789,000		2,789,000	-	
17	Lê Thị Vinh	Xã Trần Phú	33661			2,789,000		2,789,000	-	
18	Cao Thị Kết	Xã Trần Phú	5518			2,789,000		2,789,000	-	
19	Trần Thị vin	Xã Trần Phú	5506			2,789,000		2,789,000	-	
Tuất người HĐCM trước 01/01/1945 hưởng ĐXCB						**2,789,000**	**-**	**2,789,000**	**-**	
1	Nguyễn Ngọc Kha	Xã Trần Phú	53022			2,789,000		2,789,000	-	
Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB: 16						**25,040,000**	**-**	**25,040,000**	**-**	
1	Nguyễn Thị Thủ	Xã Trần Phú	14850			1,565,000		1,565,000	-	
2	Đinh Thị Hoặc	Xã Trần Phú	39811			1,565,000		1,565,000	-	
3	Nguyễn Thị Khiếu	Xã Trần Phú	15212			1,565,000		1,565,000	-	
4	Trịnh Thị Động	Xã Trần Phú	43085			1,565,000		1,565,000	-	
5	Nguyễn Thị Nội	Xã Trần Phú	40969			1,565,000		1,565,000	-	
6	Phạm Thị Gấm	Xã Trần Phú	14851			1,565,000		1,565,000	-	
7	Nguyễn Thị Tục	Xã Trần Phú	14848			1,565,000		1,565,000	-	
8	Vũ Thị Lục	Xã Trần Phú	53142			1,565,000		1,565,000	-	
9	Phạm Thị Đua	Xã Trần Phú	50644			1,565,000		1,565,000	-	
10	Phạm Thị Lỳ	Xã Trần Phú	14839			1,565,000		1,565,000	-	
11	Nguyễn Thị Hoà	Xã Trần Phú	15534			1,565,000		1,565,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
12	Nguyễn Thị Sen	Xã Trần Phú	15202			1,565,000		1,565,000	-	
13	Nguyễn Thị Viên	Xã Trần Phú	54105			1,565,000		1,565,000		
14	Trần Thị Thà	Xã Trần Phú	54125			1,565,000		1,565,000		
15	Nguyễn Thị Tình	Xã Trần Phú	47270			1,565,000		1,565,000		
16	Nguyễn Thị Lộc	Xã Trần Phú	47185			1,565,000		1,565,000		
Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB: 40						**62,600,000**	**-**	**62,600,000**	**-**	
1	Thân Thị Bình	Xã Trần Phú	47269			1,565,000		1,565,000		
2	Trần Thị Huệ	Xã Trần Phú	53885			1,565,000		1,565,000	-	
3	Lê Thị Động	Xã Trần Phú	53287			1,565,000		1,565,000	-	
4	Phạm Thị Nguyệt	Xã Trần Phú	42325			1,565,000		1,565,000	-	
5	Lê Thị Sáu	Xã Trần Phú	50734			1,565,000		1,565,000	-	
6	Vũ Thị Cát	Xã Trần Phú	50330			1,565,000		1,565,000	-	
7	Nguyễn Thị Lập	Xã Trần Phú	50328			1,565,000		1,565,000	-	
8	Trần Thị Cáng	Xã Trần Phú	50833			1,565,000		1,565,000	-	
9	Phạm Thi Sậy	Xã Trần Phú	50834			1,565,000		1,565,000	-	
10	Nguyễn Thị Bẹ	Xã Trần Phú	40774			1,565,000		1,565,000	-	
11	Trần Thị Ngần	Xã Trần Phú	51445			1,565,000		1,565,000	-	
12	Nguyễn Thị La	Xã Trần Phú	36239			1,565,000		1,565,000	-	
13	Phạm Thị Đận	Xã Trần Phú	35986			1,565,000		1,565,000	-	
14	Nguyễn Thị Nụ	Xã Trần Phú	15614			1,565,000		1,565,000	-	
15	Nguyễn Thị Hoa	Xã Trần Phú	47591			1,565,000		1,565,000	-	
16	Phan Thị Sen	Xã Trần Phú	53745			1,565,000		1,565,000	-	
17	Ngô Thị Sinh	Xã Trần Phú	50697			1,565,000		1,565,000	-	
18	Nguyễn Thị Cần	Xã Trần Phú	49753			1,565,000		1,565,000	-	
19	Nguyễn Thị Tình	Xã Trần Phú	44684			1,565,000		1,565,000	-	
20	Hà Thị Luyến	Xã Trần Phú	40778			1,565,000		1,565,000	-	
21	Nguyễn Thị Thành	Xã Trần Phú	40775			1,565,000		1,565,000	-	
22	Hồ Thị Quỹ	Xã Trần Phú	50835			1,565,000		1,565,000	-	
23	Hồ Thị Lập	Xã Trần Phú	53286			1,565,000		1,565,000	-	
24	Nguyễn Thị Hồng	Xã Trần Phú	44169			1,565,000		1,565,000	-	
25	Bùi Thị Vẻ	Xã Trần Phú	42212			1,565,000		1,565,000	-	
26	Công Thị Dớp	Xã Trần Phú	42135			1,565,000		1,565,000	-	
27	Nguyễn Thị Thành	Xã Trần Phú	41559			1,565,000		1,565,000	-	
28	Nguyễn Thị Pha	Xã Trần Phú	40627			1,565,000		1,565,000	-	
29	Nguyễn Thị Miễu	Xã Trần Phú	36270			1,565,000		1,565,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
30	Phạm Thị Nguyệt	Xã Trần Phú	15620			1,565,000		1,565,000	-	
31	Trần Thị Cảnh	Xã Trần Phú	27063			1,565,000		1,565,000	-	
32	Nguyễn Thị Định	Xã Trần Phú	46073			1,565,000		1,565,000	-	
33	Nguyễn Thị Nguyệt	Xã Trần Phú	51156			1,565,000		1,565,000	-	
34	Nguyễn Thị Thu	Xã Trần Phú	50731			1,565,000		1,565,000	-	
35	Phạm Thị Dầu	Xã Trần Phú	50279			1,565,000		1,565,000	-	
36	Hoàng Thị Huệ	Xã Trần Phú	44593			1,565,000		1,565,000	-	
37	Phạm Thị Tỉnh	Xã Trần Phú	41558			1,565,000		1,565,000	-	
38	Trịnh Thị Luyến	Xã Trần Phú	39807			1,565,000		1,565,000	-	
39	Vũ Thị Sáo	Xã Trần Phú	47752			1,565,000		1,565,000		
40	Đào Thị Vân	Xã Trần Phú	47751			1,565,000		1,565,000		
Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB: 15						**23,475,000**	**-**	**23,475,000**	**-**	
1	Nguyễn Thị Thuận	Xã Trần Phú	520750			1,565,000		1,565,000	-	
2	Trần Thị Tuyết	Xã Trần Phú	50020			1,565,000		1,565,000	-	
3	Nguyễn Thị Sừ	Xã Trần Phú	44854			1,565,000		1,565,000	-	
4	Dương Thị Hạ	Xã Trần Phú	43047			1,565,000		1,565,000	-	
5	Lê Thị Vượng	Xã Trần Phú	41450			1,565,000		1,565,000	-	
6	Vũ Thị Thược	Xã Trần Phú	40972			1,565,000		1,565,000	-	
7	Đặng Thị Liễu	Xã Trần Phú	41452			1,565,000		1,565,000	-	
8	Nguyễn Thị Quyết	Xã Trần Phú	51154			1,565,000		1,565,000	-	
9	Nguyễn Thị Nước	Xã Trần Phú	53482			1,565,000		1,565,000	-	
10	Nguyễn Thị Nhự	Xã Trần Phú	52903			1,565,000		1,565,000	-	
11	Vũ Thị Tâm	Xã Trần Phú	46872			1,565,000		1,565,000	-	
12	Vũ Thị Toán	Xã Trần Phú	46430			1,565,000		1,565,000	-	
13	Vũ Đình Thanh	Xã Trần Phú	46167			1,565,000		1,565,000	-	
14	Đinh Thị Nam	Xã Trần Phú	47753			1,565,000		1,565,000		
15	Nguyễn Thị Thêu	Xã Trần Phú	47896			1,565,000		1,565,000		
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%: 50						**106,000,000**	**-**	**106,000,000**	**-**	
1	Nguyễn Văn Minh	Xã Trần Phú	53964		35	2,120,000		2,120,000	-	
2	Nguyễn Tiến Tri	Xã Trần Phú	53883		35	2,120,000		2,120,000	-	
3	Trần Thế Chiến	Xã Trần Phú	53884		35	2,120,000		2,120,000	-	
4	Trần Thế Đông	Xã Trần Phú	53788		35	2,120,000		2,120,000	-	
5	Nguyễn Huy Hoa	Xã Trần Phú	53063		35	2,120,000		2,120,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
6	Trần Minh Nguyên	Xã Trần Phú	46258		35	2,120,000		2,120,000	-	
7	Lê Khả Cường	Xã Trần Phú	52511			2,120,000		2,120,000	-	
8	Vũ Đình Kỷ	Xã Trần Phú	45822		35	2,120,000		2,120,000	-	
9	Trần Thế Cương	Xã Trần Phú	50836		35	2,120,000		2,120,000	-	
10	Nguyễn Xuân Thắm	Xã Trần Phú	45820		35	2,120,000		2,120,000	-	
11	Trần Đình Viêm	Xã Trần Phú	49464		35	2,120,000		2,120,000	-	
12	Hoàng Minh Thọ	Xã Trần Phú	50609		35	2,120,000		2,120,000	-	
13	Nguyễn Xuân Tám	Xã Trần Phú	46428		35	2,120,000		2,120,000	-	
14	Lương Quang Thông	Xã Trần Phú	45967		35	2,120,000		2,120,000	-	
15	Trần Văn Bịch	Xã Trần Phú	45895		35	2,120,000		2,120,000	-	
16	Nguyễn Quang Sáng	Xã Trần Phú	45817		35	2,120,000		2,120,000	-	
17	Nguyễn Mạnh Liệt	Xã Trần Phú	53741		35	2,120,000		2,120,000	-	
18	Hoàng Văn Hiệu	Xã Trần Phú	53065		35	2,120,000		2,120,000	-	
19	Nguyễn Bá Vẻ	Xã Trần Phú	53062		35	2,120,000		2,120,000	-	
20	Vương Đình Đan	Xã Trần Phú	53066		35	2,120,000		2,120,000	-	
21	Đặng Đức Phóng	Xã Trần Phú	52722		35	2,120,000		2,120,000	-	
22	Phạm Văn Thành	Xã Trần Phú	49682		35	2,120,000		2,120,000	-	
23	Vương Đình Yên	Xã Trần Phú	50360		35	2,120,000		2,120,000	-	
24	Vũ Đình Luyến	Xã Trần Phú	49621		35	2,120,000		2,120,000	-	
25	Đặng Đức Nghinh	Xã Trần Phú	46820		35	2,120,000		2,120,000	-	
26	Phạm Huy Tùng	Xã Trần Phú	53349		35	2,120,000		2,120,000	-	
27	Đặng Văn Phôi	Xã Trần Phú	46506		35	2,120,000		2,120,000	-	
28	Phạm Huy Ly	Xã Trần Phú	45861		35	2,120,000		2,120,000	-	
29	Nguyễn Phương Đông	Xã Trần Phú	42221		21	2,120,000		2,120,000	-	
30	Triệu Anh Lừng	Xã Trần Phú	46819		35	2,120,000		2,120,000	-	
31	Nguyễn Văn Mây	Xã Trần Phú	53740		35	2,120,000		2,120,000	-	
32	Phạm Thanh Hóa	Xã Trần Phú	53743		35	2,120,000		2,120,000	-	
33	Phạm Văn Bảo	Xã Trần Phú	50648		35	2,120,000		2,120,000	-	
34	Nguyễn Xuân Tinh	Xã Trần Phú	49939		35	2,120,000		2,120,000	-	
35	Nguyễn Văn Thược	Xã Trần Phú	49801		35	2,120,000		2,120,000	-	
37	Nguyễn Viết Chải	Xã Trần Phú	45898		35	2,120,000		2,120,000	-	
38	Trịnh Văn Thuấn	Xã Trần Phú	45823		35	2,120,000		2,120,000	-	
39	Nguyễn Đình Nghinh	Xã Trần Phú	45821		35	2,120,000		2,120,000	-	
40	Đinh Khắc Hải	Xã Trần Phú	45819		35	2,120,000		2,120,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
41	Trần Tiến Duyệt	Xã Trần Phú	45818		35	2,120,000		2,120,000	-	
42	Đặng Văn Hưng	Xã Trần Phú	54084		35	2,120,000		2,120,000		
43	Trần Thế Yên	Xã Trần Phú	54085		35	2,120,000		2,120,000		
44	Nguyễn Văn Đức	Xã Trần Phú	47091		35	2,120,000		2,120,000		
45	Lê Khả Hồ	Xã Trần Phú	47120		35	2,120,000		2,120,000		
46	Nguyễn Văn Ca	Xã Trần Phú	47119		35	2,120,000		2,120,000		
47	Linh Duy Sâm	Xã Trần Phú	47118		35	2,120,000		2,120,000		
48	Đinh Chiến Lược	Xã Trần Phú	47255		35	2,120,000		2,120,000		
49	Lê Thị Dung	Xã Trần Phú	47488		35	2,120,000		2,120,000		
50	Nguyễn Sỹ Thuyên	Xã Trần Phú	47587		35	2,120,000		2,120,000		
51	Đặng Anh Báu	Xã Trần Phú	47846		35	2,120,000		2,120,000		
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%: 92						**325,864,000**	**-**	**325,864,000**	**-**	
1	Bùi Đức Phong	Xã Trần Phú	53224		41	3,542,000		3,542,000	-	
2	Lê Khả Khương	Xã Trần Phú	45142		41	3,542,000		3,542,000	-	
3	Bùi Đức Hào	Xã Trần Phú	45073		41	3,542,000		3,542,000	-	
4	Nguyễn Thanh Xuân	Xã Trần Phú	44598		41	3,542,000		3,542,000	-	
5	Lê Đình Đôi	Xã Trần Phú	44321		41	3,542,000		3,542,000	-	
6	Lê Công Hào	Xã Trần Phú	42220		41	3,542,000		3,542,000	-	
7	Lê Khả Khu	Xã Trần Phú	41561		41	3,542,000		3,542,000	-	
8	Lê Đình Trọng	Xã Trần Phú	41449		41	3,542,000		3,542,000	-	
9	Trần Thế Điển	Xã Trần Phú	39756		41	3,542,000		3,542,000	-	
10	Nguyễn Quốc Bộ	Xã Trần Phú	39755		41	3,542,000		3,542,000	-	
11	Lê Công Tuyên	Xã Trần Phú	14302		41	3,542,000		3,542,000	-	
12	Phạm Công Hà	Xã Trần Phú	14294		41	3,542,000		3,542,000	-	
13	Trần Thế Ngọc	Xã Trần Phú	14171		41	3,542,000		3,542,000	-	
14	Vũ Đình Lân	Xã Trần Phú	14168		41	3,542,000		3,542,000	-	
15	Nguyễn Xuân Hạnh	Xã Trần Phú	13715		41	3,542,000		3,542,000	-	
16	Phạm Công Kiểm	Xã Trần Phú	13713		41	3,542,000		3,542,000	-	
17	Vũ Đình Sáu	Xã Trần Phú	13710		41	3,542,000		3,542,000	-	
18	Trần Văn Thạch	Xã Trần Phú	13709		41	3,542,000		3,542,000	-	
19	Nguyễn Thị Tẻ	Xã Trần Phú	13708		41	3,542,000		3,542,000	-	
20	Dương Đình Thiết	Xã Trần Phú	53533		41	3,542,000		3,542,000	-	
21	Mạc Văn Vinh	Xã Trần Phú	45477		41	3,542,000		3,542,000	-	
22	Lương Quang Sơn	Xã Trần Phú	45199		41	3,542,000		3,542,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
23	Nguyễn Văn Dụ	Xã Trần Phú	45128		41	3,542,000		3,542,000	-	
24	Trần Đình Dong	Xã Trần Phú	44994		41	3,542,000		3,542,000	-	
25	Mạc Văn Mùa	Xã Trần Phú	44992		41	3,542,000		3,542,000	-	
26	Nguyễn Quang Huy	Xã Trần Phú	44932		41	3,542,000		3,542,000	-	
27	Nguyễn Xuân Cử	Xã Trần Phú	44626		41	3,542,000		3,542,000	-	
28	Hoàng Văn Lộc	Xã Trần Phú	44592		41	3,542,000		3,542,000	-	
29	Trần Đức Thuật	Xã Trần Phú	44500		41	3,542,000		3,542,000	-	
30	Nguyễn Thái Hòa	Xã Trần Phú	44497		41	3,542,000		3,542,000	-	
31	Đỗ Minh Hoành	Xã Trần Phú	44167		41	3,542,000		3,542,000	-	
32	Lương Quang Huy	Xã Trần Phú	43104		41	3,542,000		3,542,000	-	
33	Mạc Tiến Dũng	Xã Trần Phú	42214		41	3,542,000		3,542,000	-	
34	Trương Đình Thưởng	Xã Trần Phú	42131		41	3,542,000		3,542,000	-	
35	Nguyễn Văn Oanh	Xã Trần Phú	42130		41	3,542,000		3,542,000	-	
36	Lương Quang An	Xã Trần Phú	41951		41	3,542,000		3,542,000	-	
37	Lê Hồng Ngái	Xã Trần Phú	39785		41	3,542,000		3,542,000	-	
38	Nguyễn Văn Đa	Xã Trần Phú	39784		41	3,542,000		3,542,000	-	
39	Lương Quang Số	Xã Trần Phú	39783		41	3,542,000		3,542,000	-	
40	Lê Văn Cự	Xã Trần Phú	51151		41	3,542,000		3,542,000	-	
41	Nguyễn Văn Tiến	Xã Trần Phú	35007		41	3,542,000		3,542,000	-	
42	Mạc Văn Tấn	Xã Trần Phú	34081		41	3,542,000		3,542,000	-	
43	Nguyễn Văn Cầm	Xã Trần Phú	32855		41	3,542,000		3,542,000	-	
44	Ngô Văn Lũng	Xã Trần Phú	13707		41	3,542,000		3,542,000	-	
45	Vương Đình Thiệu	Xã Trần Phú	45130		41	3,542,000		3,542,000	-	
46	Trần Văn Thuần	Xã Trần Phú	44496		41	3,542,000		3,542,000	-	
47	Nguyễn Xuân Vị	Xã Trần Phú	43048		41	3,542,000		3,542,000	-	
48	Nguyễn Đình Thanh	Xã Trần Phú	42444		41	3,542,000		3,542,000	-	
49	Vũ Đình Tỵ	Xã Trần Phú	34803		41	3,542,000		3,542,000	-	
50	Cấn Đình Bâm	Xã Trần Phú	34326		41	3,542,000		3,542,000	-	
51	Nguyễn Chí Phức	Xã Trần Phú	33308		41	3,542,000		3,542,000	-	
52	Đặng Đức Sâm	Xã Trần Phú	45129		41	3,542,000		3,542,000	-	
53	Nguyễn Đức Thiêm	Xã Trần Phú	44786		41	3,542,000		3,542,000	-	
54	Đặng Minh Quốc	Xã Trần Phú	42841		41	3,542,000		3,542,000	-	
55	Nguyễn Văn Đích	Xã Trần Phú	42332		41	3,542,000		3,542,000	-	
56	Nguyễn Thọ Sơn	Xã Trần Phú	39745		41	3,542,000		3,542,000	-	
57	Nguyễn Văn Sính	Xã Trần Phú	39742		41	3,542,000		3,542,000	-	
58	Nguyễn Sỹ Khảm	Xã Trần Phú	39741		41	3,542,000		3,542,000	-	
59	Lê Xuân Quý	Xã Trần Phú	36074		41	3,542,000		3,542,000	-	
60	Nguyễn Văn Đầm	Xã Trần Phú	34541		41	3,542,000		3,542,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
61	Nguyễn Văn Giáp	Xã Trần Phú	34324		41	3,542,000		3,542,000	-	
62	Nguyễn Trường Tu	Xã Trần Phú	34142		41	3,542,000		3,542,000	-	
63	Trần Đức Thuyết	Xã Trần Phú	34141		41	3,542,000		3,542,000	-	
64	Nguyễn Sỹ Huệ	Xã Trần Phú	13681		41	3,542,000		3,542,000	-	
65	Đặng Văn Thiều	Xã Trần Phú	13678		41	3,542,000		3,542,000	-	
66	Nguyễn Văn Đức	Xã Trần Phú	13676		41	3,542,000		3,542,000	-	
67	Đặng Văn Tuyển	Xã Trần Phú	13675		41	3,542,000		3,542,000	-	
68	Cấn Đình Ư	Xã Trần Phú	13683		41	3,542,000		3,542,000	-	
69	Đoàn Bá Tảo	Xã Trần Phú	53064		41	3,542,000		3,542,000	-	
70	Hà Văn Sô	Xã Trần Phú	25311		41	3,542,000		3,542,000	-	
71	Trịnh Tiến Văn	Xã Trần Phú	45198		41	3,542,000		3,542,000	-	
72	Trần Đăng My	Xã Trần Phú	45138		41	3,542,000		3,542,000	-	
73	Lê Văn Đề	Xã Trần Phú	45135		41	3,542,000		3,542,000	-	
74	Nguyễn Công Vang	Xã Trần Phú	1954		41	3,542,000		3,542,000	-	
75	Nguyễn Đình Chấn	Xã Trần Phú	45083		41	3,542,000		3,542,000	-	
76	Trần Đăng Dũng	Xã Trần Phú	44931		41	3,542,000		3,542,000	-	
77	Phạm Huy Cừ	Xã Trần Phú	44688		41	3,542,000		3,542,000	-	
78	Nguyễn Mạnh Nhật	Xã Trần Phú	44627		41	3,542,000		3,542,000	-	
79	Hà Văn Tháp	Xã Trần Phú	44168		41	3,542,000		3,542,000	-	
80	Nguyễn Đình Luận	Xã Trần Phú	44166		41	3,542,000		3,542,000	-	
81	Nguyễn Đình Nhâm	Xã Trần Phú	43171		41	3,542,000		3,542,000	-	
82	Nguyễn Hữu Tòng	Xã Trần Phú	39789		41	3,542,000		3,542,000	-	
83	Phạm Văn Phú	Xã Trần Phú	39788		41	3,542,000		3,542,000	-	
84	Nguyễn Văn Phách	Xã Trần Phú	35910		41	3,542,000		3,542,000	-	
85	Phạm Văn Hỗn	Xã Trần Phú	34082		41	3,542,000		3,542,000	-	
86	Phạm Văn Kít	Xã Trần Phú	13670		41	3,542,000		3,542,000	-	
87	Nguyễn Xuân Mã	Xã Trần Phú	13667		41	3,542,000		3,542,000	-	
88	Vũ Đình Tuấn	Xã Trần Phú	13666		41	3,542,000		3,542,000	-	
89	Nguyễn Đình Ân	Xã Trần Phú	13664		41	3,542,000		3,542,000	-	
90	Nguyễn Văn Duật	Xã Trần Phú	13662		41	3,542,000		3,542,000	-	
91	Phan Văn Soạn	Xã Trần Phú	13660		41	3,542,000		3,542,000	-	
92	Nguyễn Xuân Đang	Xã Trần Phú	47263		41	3,542,000		3,542,000		
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%: 10						**49,640,000**	**-**	**49,640,000**	**-**	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
1	Lê Khả Tý	Xã Trần Phú	39805		61	4,964,000		4,964,000	-	
2	Vũ Đình Kỷ	Xã Trần Phú	38964		61	4,964,000		4,964,000	-	
3	Vũ Đình Giới	Xã Trần Phú	38963		61	4,964,000		4,964,000	-	
4	Trần Thế Dậu	Xã Trần Phú	38961		61	4,964,000		4,964,000	-	
5	Cấn Đình Đặng	Xã Trần Phú	38994		61	4,964,000		4,964,000	-	
6	Đặng Văn Thuật	Xã Trần Phú	38993		61	4,964,000		4,964,000	-	
7	Vũ Xuân Tích	Xã Trần Phú	38992		61	4,964,000		4,964,000	-	
8	Nguyễn Xuân Vĩ	Xã Trần Phú	38990		61	4,964,000		4,964,000	-	
9	Vũ Phúc Đối	Xã Trần Phú	38989		61	4,964,000		4,964,000	-	
10	Phạm Văn Bùi	Xã Trần Phú	39803		61	4,964,000		4,964,000	-	
Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%: 25						**41,825,000**	**-**	**41,825,000**	**-**	
1	Trần Thị Lệ	Xã Trần Phú	27058			1,673,000		1,673,000	-	
2	Doãn Thị Hương	Xã Trần Phú	2237			1,673,000		1,673,000	-	
3	Lê Thị Hồng Thảo	Xã Trần Phú	33373			1,673,000		1,673,000	-	
4	Lương Thị Cúc	Xã Trần Phú	3528			1,673,000		1,673,000	-	
5	Nguyễn Thị Cường	Xã Trần Phú	2233			1,673,000		1,673,000	-	
6	Nguyễn Đình Thêm	Xã Trần Phú	34444			1,673,000		1,673,000	-	
7	Cấn Thị Yến	Xã Trần Phú	34327			1,673,000		1,673,000	-	
8	Nguyễn Thị Hương	Xã Trần Phú	33304			1,673,000		1,673,000	-	
9	Nguyễn Chí Bằng	Xã Trần Phú	3527			1,673,000		1,673,000	-	
10	Trần Văn Phường	Xã Trần Phú	2214			1,673,000		1,673,000	-	
11	Đặng Văn Hiếu	Xã Trần Phú	35015			1,673,000		1,673,000	-	
12	Nguyễn THị Quyên	Xã Trần Phú	3271			1,673,000		1,673,000	-	
13	Phạm Thị Liên	Xã Trần Phú	2212			1,673,000		1,673,000	-	
14	Nguyễn Thị Hằng	Xã Trần Phú	2211			1,673,000		1,673,000	-	
15	Trần Văn Đại	Xã Trần Phú	2213			1,673,000		1,673,000	-	
16	Phạm Thị Nam	Xã Trần Phú	33377			1,673,000		1,673,000	-	
17	Phạm Thị Thùa	Xã Trần Phú	33376			1,673,000		1,673,000	-	
18	Nguyễn Thị Toàn	Xã Trần Phú	33374			1,673,000		1,673,000	-	
19	Vũ Thị Chuyên	Xã Trần Phú	33372			1,673,000		1,673,000	-	
20	Nguyễn Thị Huyền	Xã Trần Phú	3507			1,673,000		1,673,000	-	
21	Nguyễn Văn Huân	Xã Trần Phú	2203			1,673,000		1,673,000	-	
22	Nguyễn Thị Lộc	Xã Trần Phú	2202			1,673,000		1,673,000	-	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Số năm HĐ	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp	Số chưa trả tháng trước	Số đã chuyển khoản tháng này	Số chi trả bằng tiền mặt tháng này	Ghi chú
23	Nguyễn Đình Quyết	Xã Trần Phú	2200			1,673,000		1,673,000	-	
24	Đoàn Bá Thao	Xã Trần Phú	2199			1,673,000		1,673,000	-	
25	Nguyễn Thị Lý	Xã Trần Phú	3293			1,673,000		1,673,000		
Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên: 9						**25,101,000**	**-**	**25,101,000**	**-**	
1	Trần Đức Nhiên	Xã Trần Phú	33381			2,789,000		2,789,000	-	
2	Vũ Đình Hùng	Xã Trần Phú	3380			2,789,000		2,789,000	-	
3	Trần Thế Bích	Xã Trần Phú	2231			2,789,000		2,789,000	-	
4	Phạm Thị Nga	Xã Trần Phú	2229			2,789,000		2,789,000	-	
5	Trần Đình Thành	Xã Trần Phú	34330			2,789,000		2,789,000	-	
6	Mạc Thị Hà	Xã Trần Phú	2238			2,789,000		2,789,000	-	
7	Phạm Thị Thiêm	Xã Trần Phú	2210			2,789,000		2,789,000	-	
8	Nguyễn Thị Hoa	Xã Trần Phú	2201			2,789,000		2,789,000	-	
9	Đoàn Bá Thanh	Xã Trần Phú	2198			2,789,000		2,789,000	-	
Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT						**5,676,000**	**-**	**5,676,000**	**-**	
1	Nguyễn Xuân Đang	Xã Trần Phú	57122			2,838,000		2,838,000		
2	Cấn Đình Đang	Xã Trần Phú	36300			2,838,000		2,838,000	-	
Quân nhân xuất ngũ từ 16 đến dưới 17 năm CT						**8,898,000**	**-**	**8,898,000**	**-**	
1	Bùi Đình Trường	Xã Trần Phú	35685			2,966,000		2,966,000	-	
2	Lê Huy Cương	Xã Trần Phú	34805			2,966,000		2,966,000	-	
3	Trần Văn Minh	Xã Trần Phú	34811			2,966,000		2,966,000	-	
Quân nhân xuất ngũ từ 17 đến dưới 18 năm CT						**6,194,000**	**-**	**6,194,000**	**-**	
1	Phạm Công Đào	Xã Trần Phú	34806			3,097,000		3,097,000	-	
2	Trịnh Xuân Trình	Xã Trần Phú	35017			3,097,000		3,097,000	-	
QĐ 62 Có từ đủ 15 đến dưới 16 năm CT						**5,676,000**	**-**	**5,676,000**	**-**	
1	Nguyễn Văn Đăng	Xã Trần Phú	45671			2,838,000		2,838,000	-	
2	Trịnh Bá Quân	Xã Trần Phú	41334			2,838,000		2,838,000	-	
Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày						**6,692,000**	**-**	**6,692,000**	**-**	
1	Triệu Anh Lừng	Xã Trần Phú	37382			1,673,000		1,673,000	-	
2	Đặng Văn Cửu	Xã Trần Phú	37646			1,673,000		1,673,000	-	
3	Lê Khả Khương	Xã Trần Phú	37355			1,673,000		1,673,000	-	
4	Nguyễn Văn Tiến	Xã Trần Phú	37404			1,673,000		1,673,000	-	